TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2025/DS-ST
Ngày: 06/5/2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Ba

2/ Bà Lê Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thuỳ Trang - thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Huỳnh Thị N – sinh năm: 1964;

Địa chỉ: ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

***Bị đơn:** Nguyễn Thị T - sinh năm: 1980;

Địa chỉ: ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị N trình bày:***

Do quen biết, ngày 13/03/2021 (tức ngày 30/01/2021 AL) tôi có cho bà T mượn số tiền 55.000.000 đồng, không thoả thuận lãi suất, thời hạn trả là 03 tháng . Bà T có viết biên nhận mượn tiền cho tôi.

Đến tháng 05/2021 bà T có mượn tiếp 15.000.000 đồng và có viết biên nhận mượn tiền cho tôi.

Đến ngày 25/4/2024 thì tại trụ sở ấp V, xã Đ có lập biên bản hoà giải giữa tôi và bà T, theo đó bà T thừa nhận có nợ của tôi 70.000.000 đồng và hứa đến ngày 25/11/2024 sẽ trả đủ số tiền cho tôi nhưng đến nay bà T không trả.

Tôi không thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian mượn, bà T mượn tôi từ năm 2019 chứ không phải năm 2013 nhưng bà T và tôi đã chốt lại là bà T nợ tôi số tiền 70.000.000 đồng là đúng.

Tôi không đồng ý cho bà T trả dần, tôi yêu cầu bà T trả tôi 70.000.000 đồng trong vòng 02 tháng, không tính lãi.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị T trình bày:***

Tôi và chị N là chỗ quen biết, do hoàn cảnh khó khăn nên tôi có mượn tiền của bà N. Từ năm 2013 đến năm 2024 tôi có mượn tiền của bà N 02 lần:

Lần 1 năm 2013 mượn 15.000.000 đồng;

Lần 2 cách lần 1 là 03 tháng trong năm 2013 mượn tiếp 19.000.000 đồng.

Từ khi mượn cho đến tháng 02/2024 tôi đã trả cho bà Nở 48.000.000 đồng tiền lãi và 33 triệu tiền vốn. Từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên tôi không còn khả năng trả nợ cho bà N

Ngày 25/4/2024 tại trụ sở ấp V, xã Đ tôi thừa nhận còn nợ bà N tổng số tiền 70.000.000 đồng. Tôi có hứa trả cho bà N vào tháng 11/2024 nhưng do kinh tế khó khăn nên tôi không có khả năng trả.

Nay bà N kiện tôi yêu cầu tôi trả 70.000.000 đồng thì tôi đồng ý nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ là 70.000.000 đồng.

Đối với số tiền mà tôi đã trả vốn 33.000.000 đồng và lãi 48.000.000 đồng thì tôi không ý kiến và yêu cầu gì, tôi tự nguyện trả.

Tôi đồng ý trả cho bà Nở số tiền 70.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng vì kinh tế và gia đình quá khó khăn.

**** Tại phiên toà, nguyên đơn Huỳnh Thị N trình bày:*** tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tôi yêu cầu bà T trả tôi số tiền vốn 70.000.000 đồng, không tính lãi, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Tại phiên toà, bị đơn Nguyễn Thị T trình bày:*** tôi đồng ý trả cho bà N số tiền 70.000.000 đồng, tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà số tiền nợ vay, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà T là bị đơn có nơi cư trú tại: ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh T nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về tiền vốn: Bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vốn vay 70.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà N có cung cấp bản chính biên nhận ngày 30/01/2021 AL, theo biên nhận bà T có vay của bà N 55.000.000 đồng, sau đó thì có vay thêm 15.000.000 đồng, tổng cộng 70.000.000 đồng, bà T có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận; trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên toà bà T thừa nhận có nợ bà N 70.000.000 đồng, bà T thừa nhận biên nhận ngày 30/01/2021 AL là do bà viết, ký tên và ghi họ tên. Do đó, yêu cầu của bà N là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Bà N không yêu cầu bà T trả tiền lãi, chỉ yêu cầu bà T trả vốn nên Hội đồng xét xử không xem xét lãi.

[2.3] Về thời gian trả nợ: Bà T xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, việc xin trả dần của bà T là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N được pháp luật bảo vệ và bà N cũng không đồng ý cho bà T trả dần nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà T

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà T trả cho bà N số tiền vốn 70.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không có ai yêu cầu về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền vốn vay 70.000.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Tuyết Hạnh